

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ký hiệu (Sign): 1C25TTY

Số (No): 00000119

Ngày (Date) 16 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00F97087719CBE46D8AAB042E09D387C7E

Đơn vị bán hàng (Supplier): TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Mã số thuế (Tax code): 0100764383

Địa chỉ (Address): Tầng 1 Nhà A, Trường ĐH Mở Địa Chất, số 18 phố Viên, Phường Đông Ngạc, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại (Tel): 0354806361

Số tài khoản (Bank account): 1462201005013 Tại NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Tây Đô

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): Trường Đại học tài nguyên và môi trường Hà Nội

Mã số thuế (Tax code): 0101736170

MSĐVCQHVNS (Budgetary unit code): 1084128

Địa chỉ (Address): Số 41A đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, TP Hà Nội

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account): 371311084128 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực I- phòng Giao dịch số 9

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thanh toán Hợp đồng số 2702/HĐ-TĐHHN ngày 04/08/2025 về việc thực hiện Gói thầu: Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy	Hợp đồng	1,00	331.917.108,33	331.917.108
Cộng tiền hàng:				(Total before VAT):	331.917.108
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		26.553.369
Tổng tiền thanh toán				(Total amount):	358.470.477
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):		Ba trăm năm mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng chẵn.			

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC KỸ THUẬT

Ký ngày: 16/12/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 3JH6FPAVA988

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Số: 2702/HĐ-TĐHHN

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2025

HỢP ĐỒNG

Gói thầu: Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 549/QĐ-TĐHHN ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà phục vụ 06 đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, mã số TNMT.2023.562.04, TNMT.2023.562.05, TNMT.2023.562.06, TNMT.ĐL.2023.01, TNMT.ĐL.2023.02, TNMT.2024.04.07;

Căn cứ Quyết định số 1539/QĐ-TĐHHN ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc phê hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT) gói thầu "Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy";

Căn cứ hồ sơ dự thầu theo thông báo mời thầu số IB2500271316-00 ngày 13 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ vào Báo cáo đánh giá E-HSMT gói thầu "Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy" ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Công ty CP tư vấn QLDA và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-TĐHHN ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực

nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy" của nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ mã số TNMT.2024.04.07.

Hôm nay, ngày 04 tháng 8 năm 2025, chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI (sau đây gọi là Bên A):

Đại diện: Ông Hoàng Anh Huy Chức vụ : Hiệu trưởng

Địa chỉ: Số 41A, đường Phú Diễn, P. Phú Diễn, Hà Nội

Số điện thoại: (04)3.8370.598; Fax: (04)3.837.0597

Tài khoản: 3713.0.1084128

MSQHNS: 1084128 Tại phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực I

NHÀ THẦU: TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT
(sau đây gọi tắt là Bên B):

Đại diện: Ông Nguyễn Trường Xuân Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Mỏ địa chất, P. Đông Ngạc, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02422183046; Fax: 02437524447

Mã số thuế: 0100764383

Số TK: 1462201005013 Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn,
Chi nhánh Tây Đô

Sau khi bàn bạc hai bên đã thoả thuận và thống nhất ký kết hợp đồng phi tư vấn gói thầu "Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy" như sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A "Yêu cầu kỹ thuật" kèm theo.

Điều 2: Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng.
2. Văn bản thoả thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung (E-ĐKC), điều kiện cụ thể (E-ĐKCT) của hợp đồng .
3. Yêu cầu kỹ thuật.
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

5. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.
6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu.
7. E-HSDT.
8. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông Đỗ Văn Dương là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

1. Quyền của Nhà thầu

a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ phi tư vấn;

b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;

c) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu

a) Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này.

b) Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự phù hợp để thực hiện dịch vụ.

c) Bên B giao nộp các sản phẩm theo phụ lục A đính kèm.

d) Nhà thầu chỉ định Bà Phan Thị Lương – Tư vấn trưởng - chủ nhiệm công trình là cán bộ phụ trách của nhà thầu để điều phối các hoạt động, chất lượng và tiến độ công việc thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

1. Quyền của chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm phi tư vấn theo hợp đồng;

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm phi tư vấn không đạt chất lượng theo hợp đồng;

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu;

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng;

đ) Yêu cầu Nhà thầu thay đổi nhân sự không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo

quy định.

2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này.

d) Chủ đầu tư chỉ định ông Đỗ Văn Dương là cán bộ phụ trách của chủ đầu tư để điều phối các hoạt động, giám sát tiến độ, chất lượng công việc thuộc phạm vi hợp đồng này.

e) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói

a) Giá hợp đồng 358.470.477 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng*). Giá trị hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b. Thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán:

*) Thời gian thanh toán: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng.

*) Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

Điều 6: Loại hợp đồng

Hợp đồng này được thực hiện theo loại hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện: 90 ngày, kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.

Điều 8: Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hỏa hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Thời gian tiến hành hòa giải là mười (10) ngày làm việc trên cơ sở các điều kiện ký kết, kể cả các phụ lục, các văn bản đính kèm và các văn kiện được đưa vào tham chiếu.

Nếu hai bên không đạt được thỏa thuận trong quá trình thương lượng, hòa giải để giải quyết tranh chấp Hợp đồng thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó thông qua Tòa kinh tế, Tòa án nhân dân thành phố Hà nội theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A**HIỆU TRƯỞNG****ĐẠI DIỆN BÊN B****GIÁM ĐỐC**

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Bất khả kháng” là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận sản phẩm; 1.2. “Bên” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp. 1.3. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT; 1.4. “Dịch vụ phi tư vấn” là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, nghiệm thu chạy thử, chụp ảnh vệ tinh; in ấn; vệ sinh; truyền thông; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và hoạt động dịch vụ khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật Đấu thầu; 1.5. “Địa điểm cung cấp dịch vụ” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT; 1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.8. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.9. “Năm” là năm dương lịch; 1.10. “Ngày” là ngày dương lịch; 1.11. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT; 1.12. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc phi tư vấn; 1.13. “Tài liệu Hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.14. “Tháng” là tháng dương lịch; 1.15. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên

	sau đây: a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) E-ĐKC của hợp đồng; d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có); h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT. 2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm: a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
3. Luật và ngôn ngữ	3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam; 3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau: a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu; b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

	c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bào đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c Mục này là bào đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 5.2. Bào đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT. 5.3. Bào đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng. 5.4. Thời hạn hoàn trả bào đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.
6. Ký hợp đồng thầu phụ	6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu. 6.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 6.1 E-ĐKCT thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT. 6.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT. 6.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.
7. Phạm vi cung cấp	Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định tại Chương IV được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.
8. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi	Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 10A hoặc Mẫu số 10B

tư vấn	hoặc Mẫu số 10C hoặc Mẫu số 10D Chương IV.
9. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 E-ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 8 E-ĐKC.
10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	10.1. Loại hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT. 10.2. Giá hợp đồng được ghi tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.
11. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.
12. Tạm ứng	12.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng. 12.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.
13. Thanh toán	13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 13.2. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. 13.3. Đồng tiền thanh toán là: VND.
14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	14.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do

	Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 14.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 14.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 14.1 E-ĐKC và Mục 14.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 14.4. Các quy định tại Mục 14 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ. 14.5. Các quy định tại Mục 14 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
15. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.
16. Bất khả kháng	16.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 16.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 16.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự

	kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 16.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 16.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.
17. Sửa đổi hợp đồng	17.1 Việc sửa đổi hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; c) Các nội dung khác quy định tại E-ĐKCT. 17.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng. 17.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây: a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết. b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư. c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. 17.4. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây: a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy

	định tại E-ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.
18. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư; d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu; e) Các trường hợp khác quy định tại E-ĐKCT. Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.
19. Chấm dứt hợp đồng	19.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau: (i) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; (ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng; (iii) Nhà thầu bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản; (iv) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.

	b) Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện. c) Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây: - Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Mục 22 E-ĐKC về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán; - Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, nhà thầu không thể thực hiện được hợp đồng. 19.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.
20. Phát hiện và khắc phục sai sót	20.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại E-ĐKCT. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà thầu tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại E-ĐKCT. 20.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục. Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 15 E-ĐKC.
21. Nhân sự¹	21.1. Nhà thầu phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong E-

¹ Trường hợp gói thầu không yêu cầu nhân sự chủ chốt thì bỏ Mục này

	HSDT để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó. 21.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, Nhà thầu phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu.
22. Giải quyết tranh chấp	22.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT.

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.3	Chủ đầu tư: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Địa chỉ: Số 41A, đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội Số tài khoản: 3713.0.1084128 Tại phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực I Mã số thuế: 0101736170 Số tài khoản: 3713 Điện thoại: 0932249680 Fax: 024.38370598 E-mail: hahuy@hunre.edu.vn
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu:
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: + Thư chấp thuận Hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng; + Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; + Điều kiện cụ thể của hợp đồng; + Điều kiện chung của hợp đồng; + Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của Nhà thầu trúng thầu; + Hồ sơ mời thầu; + Các tài liệu kèm theo khác.
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Địa chỉ: Số 41A, đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội Điện thoại: 024.38370598 Fax: 024.38370597 E-mail:
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày Hai bên hoàn thành các dịch vụ phi tư vấn.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Ngay sau khi hai bên ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ:
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Trọn gói

E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho Bên B bằng chuyển khoản số tiền tương ứng 50% giá trị của hợp đồng là 179.235.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi chín triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng) trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng. Thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ giá trị của Hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng và Bên B xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A, đồng thời thu hồi hết giá trị đã tạm ứng..
E-ĐKC 13.1	Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng
E-ĐKC 15	<i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i> 1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau: Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 10%/ tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 50% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế được hai bên thống nhất
E-ĐKC 17.1(c)	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Bổ sung khối lượng ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký kết; hoặc khối lượng thực hiện từng công việc ít hơn so với khối lượng ký kết trong hợp đồng. - Khi có khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký kết thì các bên phải lập phụ lục hợp đồng bổ sung, trong đó cần xác định rõ về khối lượng công việc bổ sung và đơn giá áp dụng. + Đối với các công việc phát sinh đã có đơn giá trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng đã ký. + Đối với các công việc bổ sung chưa có đơn giá trong Hợp đồng, thì đơn giá mới được xác định theo quy định pháp luật và các thỏa thuận trong Hợp

	đồng và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Trường hợp Chủ đầu tư cắt giảm khối lượng công việc hoặc hạng mục trong hồ sơ thiết kế thuộc phạm vi công việc phải thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết hoặc khối lượng thực hiện từng công việc ít hơn so với khối lượng ký kết trong hợp đồng thì phải ký phụ lục hợp đồng để giảm giá hợp đồng tương ứng với phần giá trị khối lượng công việc không phải thực hiện. - Các nội dung khác (nếu có): Theo thỏa thuận thống nhất giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu. Nếu có thay đổi, hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng phải thỏa thuận thông qua phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng.
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 30% giá trị giảm giá hợp đồng: Không
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Không có
E-ĐKC 20.1	Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn dựa trên cơ sở kết quả, khối lượng, chất lượng dịch vụ mà Nhà thầu đã cung cấp so với yêu cầu nội dung công việc, yêu cầu kỹ thuật được quy định trong Hợp đồng và Phụ lục - Yêu cầu kỹ thuật của hợp đồng. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 05 ngày làm việc
E-ĐKC 21.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 3 ngày
E-ĐKC 22.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày - Giải quyết tranh chấp: . Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo cơ chế: Các bên phải tuân thủ phán quyết của Tòa, bên thua kiện chịu án phí.

PHỤ LỤC A : YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Phạm vi công việc

1. Phạm vi chi tiết công việc đối với nhà thầu khi nộp E-HSDT

- Cung cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực về trắc địa bản đồ, xây dựng cơ sở dữ liệu (tệp được quét từ bản sao hoặc bản gốc);
- Cung cấp tài liệu xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế cho năm báo cáo tài chính gần nhất;
- Cung cấp bản cam kết lựa chọn thành viên không có xung đột về lợi ích với Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Các thành viên có tư cách, đạo đức tốt, trung thực và khách quan; có đủ sức khỏe đảm bảo thực hiện được các nhiệm vụ được phân công;
- Cung cấp tài liệu (tệp được quét từ bản gốc) chứng minh kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự;
- Cung cấp các tài liệu bắt buộc quy định tại Chương IV. Biểu mẫu dự thầu, nhà thầu cung cấp các tài liệu của thành viên tham gia thực hiện gói thầu (tệp được quét từ bản sao hoặc bản gốc), bao gồm:
 - + Văn bằng trình độ cao nhất;
 - + Hợp đồng lao động hoặc các tài liệu khác tương đương;
- Cung cấp đề xuất tiến độ thực hiện chi tiết khi triển khai, thực hiện hợp đồng (bao gồm thời gian làm việc, thời gian phản hồi, nhân sự thực hiện)

2. Nội dung công việc của nhà thầu khi được lựa chọn:

Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý khu vực thực nghiệm tỉnh Thái Nguyên ở các tỷ lệ và số lượng tương ứng sau:

- + Tỷ lệ 1:2000, số lượng 09 mảnh;
- + Tỷ lệ 1:5000, số lượng 04 mảnh;
- + Tỷ lệ 1:10000, số lượng 01 mảnh.

3. Nội dung chi tiết yêu cầu kỹ thuật của phần mềm.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý phục vụ đánh giá các mô hình học máy (học sâu) trích xuất các đối tượng từ dữ liệu UAV trên địa bàn phường Thịnh Đán, xã Quyết Thắng, xã Phúc Hà (phường Quyết Thắng (mới)); phường Tân Thịnh, xã Tân Cương, xã Thịnh Đức (xã Tân Cương (mới)); xã Phúc Xuân, xã Phúc Triu (xã Đại Phúc (mới)); phường Tân Thịnh (phường Phan Đình Phùng(mới)) tỉnh Thái Nguyên.
- Dữ liệu được xây dựng trên dữ liệu ảnh số UAV độ phân giải 8cm phạm vi 47 km² trên địa bàn các đơn vị xã (phường) trên, phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy.
- Khoảng cao đều 1m đường đồng mức trên tất cả 3 tỷ lệ của CSDL .
- Sản phẩm cơ sở dữ liệu đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định trong các thông tư hiện hành của Bộ TNMT, của Chính phủ, cụ thể:

(1)_ Thông tư số 16/2022/TT-BTNMT, "Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật thu nhận và xử lý dữ liệu ảnh số từ tàu bay không người lái phục vụ xây dựng, cập

nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2000, 1:5000 và thành lập bản đồ địa hình.

(2)_ QCVN 73:2023/BTNMT, “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2000, 1:5000, 1:10000” .

(3)_ Thông tư số 27/VBHN-BTNMT, “Ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:2000, 1:5000, 1:10000”.

(4)_ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định mức lương sơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

II. Sản phẩm giao nộp, khối lượng và thời gian thực hiện

Nhà thầu phải nộp cho Trường Đại học Tài nguyên - Môi trường Hà Nội các sản phẩm và thời gian thực hiện như sau:

ST T	Tên sản phẩm	Khối lượng	Dạng lưu trữ	Thời gian thực hiện
1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:2.000 khu vực thực nghiệm tỉnh Thái nguyên	09 mảnh	File số	90 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng
2	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:5.000 khu vực thực nghiệm tỉnh Thái nguyên	04 mảnh	File số	
3	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:10.000 khu vực thực nghiệm tỉnh Thái nguyên	01 mảnh	File số	

III. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu

Quy định chi tiết tại Bảng số 01 của Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật thuộc HSDT.

IV. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- Cung cấp các tài liệu, minh chứng liên quan đến Nhà thầu được Trường lựa chọn;
- Phân công nhân sự làm đầu mối làm việc với nhà thầu được Trường lựa chọn;
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận với Nhà thầu để xây dựng kế hoạch và tiến độ làm việc.

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 549/QĐ-TĐHHN ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà phục vụ 06 đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, mã số TNMT.2023.562.04, TNMT.2023.562.05, TNMT.2023.562.06, TNMT.ĐL.2023.01, TNMT.ĐL.2023.02, TNMT.2024.04.07;

Căn cứ Quyết định số 1539/QĐ-TĐHHN ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT) gói thầu "Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy";

Căn cứ hồ sơ dự thầu theo thông báo mời thầu số IB2500271316-00 ngày 13 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ vào Báo cáo đánh giá E-HSMT gói thầu "Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy" ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Công ty CP tư vấn QLDA và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-TĐHHN ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy" của nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ mã số TNMT.2024.04.07.

Căn cứ Hợp đồng số 2702/HĐ-TĐHHN ký ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật;

Căn cứ Biên bản bàn giao sản phẩm ký ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa Trường Đại học Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội và Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật;

Căn cứ thực tế thực hiện công việc;

Hôm nay, ngày 16 tháng 12 năm 2025, chúng tôi gồm:

CHỦ ĐẦU TƯ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
(sau đây gọi là **Bên A**):

Đại diện: Ông Hoàng Anh Huy Chức vụ : Hiệu trưởng

Địa chỉ: Số 41A, đường Phú Diễn, P. Phú Diễn, TP. Hà Nội

Số điện thoại: (04)3.8370.598; Fax: (04)3.837.0597

Tài khoản: 3713.0.1084128

MSQHNS: 1084128 Tại Kho bạc Nhà nước Khu vực I -phòng Giao dịch số 9

Mã số thuế: 0101736170

NHÀ THẦU: TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT
(sau đây gọi tắt là **Bên B**):

Đại diện: Ông Nguyễn Trường Xuân Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Mỏ địa chất, P. Đông Ngạc, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02422183046; Fax: 02437524447

Mã số thuế: 0100764383

Số TK: 1462201005013 Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Chi nhánh Tây Đô

Sau khi xem xét kết quả thực hiện hợp đồng, hai Bên nhất trí nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 2702/HĐ-TĐHHN ký ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật với các nội dung sau:

Điều 1. NỘI DUNG NGHIỆM THU

Hai bên đã xem xét kết quả thực hiện gói thầu “Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy” của hợp đồng số 2702/HĐ-TĐHHN ký ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật, cụ thể như sau:

1. Nghiệm thu khối lượng công việc thuộc Phụ lục A theo Hợp đồng số 2702/HĐ-TĐHHN ký ngày 04 tháng 8 năm 2025 đúng khối lượng và yêu cầu tại hợp đồng đã ký kết. (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

2. Bên B đã bàn giao đủ, đúng thời hạn; bên A đã nhận đủ sản phẩm mà bên B cung cấp theo Phụ lục A trong Hợp đồng số 2702/HĐ-TĐHHN ký ngày 04 tháng 8 năm 2025

như hợp đồng đã ký. Sản phẩm đảm bảo về chất lượng và đạt yêu cầu theo đúng như hợp đồng đã ký kết.

Điều 2. GIÁ TRỊ THANH LÝ

2.1. Giá trị thanh quyết toán:

- Tổng giá trị theo hợp đồng đã ký là: 358.470.477 đồng
- Tổng giá trị thanh quyết toán: 358.470.477 đồng
- Số tiền mà bên A đã tạm ứng cho bên B: 0 đồng.
- Số tiền bên A trả bên B: 358.470.477 đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng)

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

2.2. Thời hạn thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày sau khi hai bên ký Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng và Bên B cung cấp đầy đủ các chứng từ theo quy định.

Điều 3. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cùng nhau thống nhất ký biên bản nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng dịch vụ số 2702/HĐ-TĐHHN ký ngày 04 tháng 8 năm 2025.

Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng này được làm thành 06 bản, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG
HÀ NỘI

Hoàng Anh Huy

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC
KỸ THUẬT

Nguyễn Trường Xuân

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng
số 6087/BB-TĐHHN ngày 16 tháng 12 năm 2025)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách đóng gói
1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn	mảnh	14	
1.1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:2000, khoảng cao đều 1m	mảnh	09	09 gói dữ liệu định dạng *.gdb
1.2	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:5000, khoảng cao đều 1m	mảnh	04	04 gói dữ liệu định dạng *.gdb
1.3	Cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:10000, khoảng cao đều 1m	mảnh	01	01 gói dữ liệu định dạng *.gdb
2	Tài liệu hồ sơ thi công	Bộ	03	
2.1	Thiết kế kỹ thuật	Bộ	01	Bản giấy và file số
2.2	Báo cáo tổng kết kỹ thuật	Bộ	01	Bản giấy và file số
2.3	Hồ sơ chất lượng sản phẩm	Bộ	01	Bản giấy và file số

QUYẾT ĐỊNH
(V/v: Bổ nhiệm Chủ nhiệm công trình)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHKT

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ Phát triển KHKT;
 - Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ Phát triển KHKT;
 - Căn cứ yêu cầu triển khai thực hiện nhiệm vụ và năng lực chuyên môn của cán bộ;
- Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quang Minh giữ chức vụ Chủ nhiệm công trình: “Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy”.

Điều 2: Chủ nhiệm công trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung công việc thuộc phạm vi gói thầu được giao; quản lý tiến độ, chất lượng, khối lượng công việc; thực hiện các thủ tục mua vật tư, thiết bị, lấy các hóa đơn chứng từ có liên quan đến công trình và hoàn thiện công tác nghiệm thu thanh quyết toán theo quy định của trung tâm và quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi kết thúc công trình và hoàn thành, được nghiệm thu, thanh quyết toán theo qui định hiện hành.

Điều 4: Các bộ phận chức năng thuộc Trung tâm và Ông Nguyễn Quang Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận

- Như điều 4
- Lưu Trung tâm



Nguyễn Trường Xuân

DANH SÁCH CÁN BỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
Số 2702/HĐ-TĐHHN ngày 04/08/2025

TT	Họ và tên	Tên hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Minh	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy	HĐ: 04/08/2025 - 16/12/2025	Chủ nhiệm
2	Nguyễn Thùy Dương	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy	HĐ: 04/08/2025 - 16/12/2025	Thành viên
3	Nguyễn Thị Phương Bắc	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy	HĐ: 04/08/2025 - 16/12/2025	Thành viên
4	Phạm An Cường	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy	HĐ: 04/08/2025 - 16/12/2025	Thành viên
5	Đặng Văn Nam	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy	HĐ: 04/08/2025 - 16/12/2025	Thành viên

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2026
GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Trường Xuân

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm học 2025-2026
TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Tổng giá trị HĐ (đồng)	Số tiền chuyển về (đồng)	Chủ nhiệm HĐ	Người tham gia
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ lớn khu vực thực nghiệm phục vụ đánh giá độ chính xác nhận dạng tự động đối tượng từ dữ liệu UAV bằng mô hình học máy	2702/HĐ-TĐHHN	04/08/2025	358.470.477	358.470.477	Nguyễn Quang Minh	Nguyễn Thùy Dương Nguyễn Thị Phương Bắc Phạm An Cường Đặng Văn Nam

XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Trường Duân